Nhan ban - 04

Nhân Bản

Nhan ban - 04

[BuddhaSasana] [Unicode Fonts]

Phật giáo Việt Nam và hướng đi nhân bản đích thực

Trần Thạc Đức, 1967

Vị sơ tổ của Phật giáo Việt Nam

P hật giáo Việt Nam đã có một lịch sử mười lăm thế kỷ, lẽ cố nhiên phải tôn thờ một vị Sơ Tổ để tượng trưng cho mười lăm thế kỷ lịch sử ấy. Không phải là ngày nay chúng ta mới lo tìm nguồn đâu. Ngay từ hồi xưa, nhiều người đã cố ý tìm tòi nguồn gốc Phật giáo Việt Nam.

Trong sách Thuyền Uyển Tập Anh có ghi câu chuyện bà Ỷ Lan, mẹ vua Lý Nhân Tông hỏi Thông Biện quốc sư đã trả lời rành mạch và dẫn chứng những thư tịch cũ để minh chứng. Về sau, có các sách Tam Tổ Thực Lục, cũng có mục đích ghi lại những sự kiện lịch sử của đạo Phật ở Việt Nam.

Trong khi Phật giáo Trung Hoa tôn thờ Ngài Bồ Đề Đạt Ma làm Sơ Tổ, thì tại sao Phật Gíáo Việt Nam lại không tôn thờ Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi mà lại cứ mãi bắt chước theo Tàu?

Đã đành rằng ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi chỉ là Sơ Tổ của phái Thiền Tông có đầu tiên trên đất Việt. Nhưng ngoài Thiền Tông ra, thử hỏi ở Việt Nam ta còn có những tông nào?

Ngay ở Trung Hoa nói rằng có mười tông nhưng kỳ thực chỉ có Thiền Tông là có cơ sở vững vàng chắc chắn. Ngài Bồ Đề Đạt Ma là vị Tổ đầu tiên của Thiền Tông Trung quốc và được xem như là Sơ Thổ của Phật giáo Trung Hoa. Vậy thì ở Việt Nam, Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi, vị sơ tổ của Thiền Tông Việt Nam, tại sao ta lại không xem như là Sơ Tổ của Phật Giáo Việt Nam được?

Cũng đã đành rằng trước khi Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi qua đất Vìệt, đã có các ngài Ma Ha Kỳ Vực, Khương Tăng, Hội, Mâu Bác, và Chi Cương Lương qua truyền đạo. Nhưng đó chỉ là một vài người rời rạc, không đủ sức lập nên được tông phái có truyền thống. Ở Trung Hoa, trước khi ngài Bồ Đề Đạt Ma bước chân đến, vẫn cũng đã có những vị đi truyền đạo và dịch kinh, như các Ngài Ma Đằng Trúc Pháp Lan... Tuy nhiên, các ngài này vẫn không được suy tôn làm Sơ Tổ vì họ đã không tạo nên một truyền thống nào.

Ngày xưa ta có thói thường bắt chước theo Trung Quốc, từ cách thờ tự, lễ tụng cho đến lề lối học tập, trước thuật. Giờ đây, tất cả mọi ngành đều vươn đến cá tính dân tộc, ta không thể còn bắt chước mãi. Về tam tạng, ta phải có một tam tạng quốc văn. Về lễ nhạc, phẩm phục, tổ chức, kiến trúc, ta phải đi đến cá tính Việt Nam. Trên bước đường xây dựng nềnPhật Giáo dân tộc, cố nhiên ta phải tôn thờ vị Sơ Tổ của Phật giáo Việt Nam để luôn luôn có ý thức về một ngàn rưỡi năm lịch sử.

Tôn thờ Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi thay thế cho ngài Bồ Đề Đạt Ma không phải là một việc làm thay bậc đổi ngôi, không phải là việc nâng cao một Ngài lấy cớ là Sơ Tổ của mình và hạ thấp một ngài lấy cớ là sơ Tổ nước người. Không, các vị Tổ Sư đều là những bậc thầy đáng kính của chúng ta. Chúng ta kính trọng liệt vị và luôn luôn đầu thành đảnh lễ. Nhưng chúng ta phải có ý thức dân tộc, nghĩa là ta nên thờ Sơ Tổ Phật Giáo Việt Nam như người Tàu đã thờ Sơ Tổ Phật Giáo Trung Hoa, và người Nhật đã thờ Sơ Tổ Phật Giáo Nhật Bản.

Hiểu biết rõ ràng như thế rồi , chúng ta không thấy có điều gì trở ngại trong việc làm của chúng ta. Tất cả các nhà chùa ở Việt Nam đều nên thờ Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi thay cho ngài Bồ Đề Đạt Ma. Đó là việc làm đầu tiên để chúng ta tỏ ra rằng cần xây dựng một nền Phật giáo dân tộc.

Ngày kỷ niệm Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi, chúng tôi đã đòi hỏi nhiều vị cao đức trong Phật Giáo, đều đồng ý chọn ngày rằm tháng mười âm lịch. Nếu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam chấp thuận ngày ấy, thì tất cả các chùa trên lĩnh thổ Việt Nam sẽ cùng làm lễ Kỵ Tổ trong ngày lễ Hạ Nguyên.

-oOo-

Phụ lục:

Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi, tên Phạn là VINITARUCI, nguyên người Nam Thiên Trúc, về phái Bà La Môn. Thuở nhỏ, ngài đã có chí khác tục, đi du hành trong khắp cõi Thiên Trúc để mong tâm ấn của Phật. Vì cơ duyên chưa gặp, nên ngài sang các xứ Đông Nam để qua Tràng An, kinh đô nhà Trần bên Trung Quốc. Đó là vào năm 574, niên hiệu Đại Kiến thứ 6.

Ngài muốn sang đất Nghiệp, (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) nhưng may được gặp Tổ Tăng Xán ở núi Tư Không. Thấy Tổ phong độ khác thường, Ngài động lòng kính phục, chắp tay làm lễ. Ba lần làm lễ mà Tổ Tăng Xán vẫn ngồi lim dim mắt, không nói gì. Ngài đứng yên, nghĩ ngợi một lúc, bỗng thấy bâng khuâng như có sở đắc điều gì, liền sụp xuống lạy ba lạy. Tổ Tăng Xán cũng chỉ gật đầu ba cái mà thôi.

Ngài bước lại ba bước mà bạch rằng :

-" Đệ tử đến đây xin Hoà Thượng từ bi cho được theo hầu bên tả hữu".

Tổ trả lời :

-"Ngươi phải đi sang ngay phương Nam mà tiếp chúng, không nên ở lâu đây làm gì."

Ngài liền từ tạ ra đi, đến trụ trì chùa Chế Chỉ đất Quảng Châu. Ở đấy ngài dịch kinh trong sáu năm. Tháng ba năm Canh Tý (580) Ngài sang Giao Châu, trụ trì chùa Pháp Vân (ở làng Văn Giáp, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông bây giờ) dịch kinh Tổng Trì. Ngài ở luôn đó được mười lăm năm mới tịch, và truyền tâm pháp lại cho Ngài Pháp Hiền, để tử của Ngài.

Ngài tịch vào năm Giáp Dần 591, đời Tùy Khai hoàng. Ngài gọi Pháp Hiền thiền sư vào phòng và dặn:

- " Người nên biết, tâm ấn của chư Phật không có thể mập mờ được. Tâm ấy viên mãn như thái hư, không thừa, không thiếu, không đến, không đi, không được, không mất, không phải đồng nhất cũng không phải sai dị, không thường cũng không đoạn, không sinh cũng không diệt, không xa cách cũng không phải không xa cách. Chỉ vì đối với vọng duyên nên gỉa đặt ra tên ấy mà thôi.

"Vì thế, cho nên chư Phật trong ba đời do đấy mà chứng đạo, lịch đại tổ sư do đấy mà có chỗ sở chứng. Ta đây cũng vậy và rồi ngươi cĩng thế. Cho đến các loài hữu tình vô tình đều cũng phải như thế.

"Vả Tổ Tăng Xán khi ấn chứng tâm ấy cho ta, đã bảo ta rằng :"Ngươi nên sang phương Nam mà tiếp chúng, chớ nên ở đây lâu mà làm gì.". Vì thế , ta đi trải bao nơi mới đến nơi đây. Nay gặp ngươi thật là đúng lời huyền ký ấy. Vậy mà ngươi phải nhớ kỹ lấy lời ta: đã đến lúc ta đi rồi đây".

(Phù chư Phật tâm ấn , tất bất tương chẩn, viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư, vô khứ vô lai, phi nhất phi nhị, phu thường phi đoạn, bản vô sinh xứ diệc vô diệt xứ, diệc phi viễn ly, phi bất viễn ly. Vị đối vọng duyên, gỉa lập danh dĩ. Sở dĩ tam thế chư Phật diệc dĩ như thị đắc. Lịch đại tổ sư diệc dĩ như thị đắc. Ngã diệt dĩ như thị đắc. Nhữ diệc dĩ như thị đắc. Thả ngô tổ Xán Công, ấn ngô thử tâm thời, vị ngô tốc nam, hành giao tiếp, bất nghi cữu trú. Khoáng lịch vu tư, kim dữ nhữ ngộ, quá phù huyền ký. Nhữ thiện tri chi, ngô khứ thời chí hỹ).

Nói xong, Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi chắp tay ngồi yên mà hóa. Để tử rước Ngài lên trà tỳ rồi thu xá lợi xây tháp thờ.

Đến đời nhà Lý, Vua Thái Tông (1028-1054) có làm bài kệ truy tán Ngài như sau:

Sáng tự lai Nam Quốc

Văn quân cữu tập thiền

Ưng khai chư Phật tín

Viễn hợp nhất tâm nguyên.

Hạo hạo Lăng già Nguyệt

Phân phân Bát Nhã Liên

Hà thời hạnh tương kiến

Tương dữ thoại trùng huyền?

Dịch:

Mở lối qua Nam Việt

Nghe ngài thông đạo thiền

Nguồn tâm thông một mạch

Cõi Phật rộng quanh miền

Lăng già ngời bóng Nguyệt

Bát Nhã nức mùi sen

Biết bao giờ được gặp

Đàm đạo lẽ thâm huyền?

Và nhà vua kính cẩn sắc phong cho Ngài là "Pháp Vân Tỳ Ni Đa Lưu Chi Pháp Tự" tôn Ngài là đại diện của Phật Giáo truyền thống.

Quả như lời truy tán của vua Lý Thái Tông, đạo hạnh của Ngài sáng ngời như ánh nguyệt trên núi Lăng Già, và trí tuệ của Ngài thơm ngát như hương sen Bát Nhã. Không còn lời tán dương nào đẹp và xứng hợp hơn thế nữa...

[Mục lục][Chương kế]

[Thư
Mục chính]
Last
updated: 31-01-2000
Web
master: binh_anson@yahoo.com
binh_anson@hotmail.com

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.